

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM/NHÓM SẢN PHẨM THỰC PHẨM;**  
**HÀNG HÓA THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA**  
**NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2019/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của*  
*Ủy ban nhân dân tỉnh)*

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm/ nhóm sản phẩm</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Ngũ cốc</b>	
1	Ngũ cốc	
2	Ngũ cốc đã sơ chế, chế biến ( <i>xay sát, cắt, tách vỏ, tách cám, dạng mảnh, nảy mầm, xử lý nhiệt,...</i> )	Trừ các sản phẩm dạng bột, tinh bột và chế biến từ bột, tinh bột.
<b>II</b>	<b>Thịt và các sản phẩm từ thịt</b>	
1	Thịt dạng tươi, ướp đá, giữ mát, đông lạnh ( <i>nguyên con, pha lọc, cắt lát, mảnh, xay, viên,...</i> )	
2	Phụ phẩm ăn được của gia súc, gia cầm ( <i>nội tạng, xương, chân, cổ, cánh, mỡ, máu,...</i> )	
3	Sản phẩm chế biến từ thịt và phụ phẩm ăn của gia súc, gia cầm ( <i>khô, hun khói, đồ hộp, xử lý nhiệt, ướp muối, collagen, gelatin...</i> )	Trừ thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
4	Sản phẩm phối chế có chứa thịt ( <i>giò, chả, nem, lap sườn, salami, xúc xích, Jăm bông, Pa tê, thịt bao bột, tẩm bột, tẩm bột, ngâm dầu, súp, nước ép, nước chiết,...</i> )	Trừ sản phẩm dạng bánh do Bộ Công Thương quản lý.
<b>III</b>	<b>Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)</b>	
1	Thủy sản sống, tươi, ướp đá, bảo quản lạnh ( <i>dạng nguyên con, sơ chế, fillet, xay, viên, cắt lát, bóc vỏ, cán mỏng,...</i> )	
2	Phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm ( <i>da, vây, bóng, mỡ, gan, trứng,...</i> của các loài thủy sản)	
3	Sản phẩm chế biến từ thủy sản và các phụ phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm ( <i>lên men, dạng mắm, gia nhiệt, xông khói, khô, ướp muối, ngâm nước muối, bao bột, ngâm dầu, dịch chiết, nước ép, gelatin, collagen... kể cả có sử dụng hóa chất, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến</i> )	Trừ thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
4	Mỡ và dầu có nguồn gốc từ thủy sản được	Trừ thực phẩm chức năng

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm/ nhóm sản phẩm</b>	<b>Ghi chú</b>
	tinh chế hoặc chưa tinh chế dùng làm thực phẩm	năng, dược phẩm có nguồn gốc từ thủy sản do Bộ Y tế quản lý.
5	Sản phẩm thủy sản phối trộn với bột, tinh bột, bao bột, sữa chế biến, dầu thực vật (bao gồm cả phồng tôm, cá, mực,...)	Trừ sản phẩm dạng bánh do Bộ Công Thương quản lý.
6	Rong biển, tảo và các sản phẩm sản xuất từ rong biển, tảo dùng làm thực phẩm	Trừ thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ rong, tảo do Bộ Y tế quản lý.
<b>IV</b>	<b>Rau, củ , quả và sản phẩm rau, củ, quả</b>	
1	Rau, củ, quả tươi và sơ chế ( <i>cắt mảnh, tách vỏ, tách hạt, tách múi, xay,...</i> )	Trừ các loại rau, củ, quả, hạt làm giống
2	Rau, củ, quả chế biến ( <i>lên men, làm khô, xử lý nhiệt, dạng bột, đóng hộp, tẩm bột, ngâm dấm, ngâm dầu, ngâm đường, bao bột, dịch chiết, nước ép,...</i> )	Trừ các sản phẩm dạng bánh, mứt, kẹo, ô mai và nước giải khát do Bộ Công Thương quản lý.
<b>V</b>	<b>Trứng và các sản phẩm từ trứng</b>	
1	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư	
2	Trứng động vật trên cạn và lưỡng cư đã sơ chế, chế biến ( <i>bóc vỏ, đóng bánh, đông lạnh, nghiền bột, xử lý nhiệt, muối, ngâm ướp thảo dược,...</i> )	
3	Các loại thực phẩm phối chế có chứa trứng, bột trứng	Trừ bánh kẹo có thành phần là trứng, bột trứng do Bộ Công Thương quản lý.
<b>VI</b>	<b>Sữa tươi nguyên liệu</b>	
<b>VII</b>	<b>Mật ong và các sản phẩm từ mật ong</b>	
1	Mật ong nguyên chất, cô đặc, pha loãng	
2	Sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa có lẫn hoặc không có mật ong	
3	Các sản phẩm có chứa mật ong, sáp ong, phấn hoa, sữa ong chúa	Trừ bánh, mứt, kẹo, đồ uống có mật ong làm nước giải khát do Bộ Công Thương quản lý.  Trừ thực phẩm chức năng, dược phẩm do Bộ Y tế quản lý.

TT	Tên sản phẩm/ nhóm sản phẩm	Ghi chú
<b>VIII</b>	<b>Thực phẩm biến đổi gen</b>	
<b>IX</b>	<b>Muối</b>	
1	Muối biển, muối mỏ	
2	Muối tinh chế, chế biến, phối trộn với các thành phần khác	
<b>X</b>	<b>Gia vị</b>	
1	Gia vị đơn chất, hỗn hợp, gia vị có nguồn gốc động vật, thực vật ( <i>bột hương liệu từ thịt, xương, dạng bột, dịch chiết, mù tạt, ...</i> )	Trừ gia vị đi kèm sản phẩm chế biến từ bột, tinh bột (mì ăn liền, cháo ăn liền,...) do Bộ Công Thương quản lý
2	Nước xốt và các chế phẩm làm nước xốt	
3	Tương, nước chấm	
4	<i>Các loại quả thuộc chi Capsicum hoặc chi Pimenta, tươi, khô, xay hoặc nghiền</i>	
<b>XI</b>	<b>Đường</b>	
1	Đường mía hoặc đường củ cải và đường sucroza tinh khiết về mặt hoá học, ở thể rắn	
2	Đường khác ( <i>kể cả đường lactoza, mantozo, glucoza và fructoza, tinh khiết về mặt hoá học, ở thể rắn; xirô đường chưa pha thêm hương liệu hoặc chất màu; mật ong nhân tạo đã hoặc chưa pha trộn với mật ong tự nhiên; đường caramen</i> )	
3	Mật thu được từ chiết xuất hoặc tinh chế đường	
<b>XII</b>	<b>Chè</b>	
1	Chè tươi, chế biến đã hoặc chưa pha hương liệu	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh, mứt, kẹo có chứa chè do Bộ Công Thương quản lý.
2	Các sản phẩm trà từ thực vật khác	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát, do Bộ Công Thương quản lý.
<b>XIII</b>	<b>Cà phê</b>	
1	Cà phê hạt tươi, khô, chất chiết xuất, tinh chất và các chất cô đặc từ cà phê	
2	Cà phê, rang hoặc chưa rang, đã hoặc chưa khử chất ca-phê-in; vỏ quả và vỏ lụa cà phê; các chất thay thế cà phê có chứa cà phê theo	Trừ sản phẩm đã pha dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa

TT	Tên sản phẩm/ nhóm sản phẩm	Ghi chú
	tỷ lệ nào đó; dạng bột chiết có hoặc không có đường, sữa, kem để pha uống liền, các sản phẩm chế biến có chứa cà phê	cà phê do Bộ Công Thương quản lý.
<b>XIV</b>	<b>Ca cao</b>	
1	Hạt ca cao tươi, khô, đã hoặc chưa vỡ mảnh, sống hoặc đã rang; Vỏ quả, vỏ hạt, vỏ lụa và phế liệu ca cao khác; Bột ca cao nhão, đã hoặc chưa khử chất béo, Bơ ca cao, mỡ và dầu ca cao; Bột ca cao, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	
2	Các chế phẩm từ ca cao dạng bột đã rang xay, không rang xay, dạng đặc, lỏng, bột uống liền có hoặc không có đường, sữa, kem, chế phẩm khác có chứa ca cao	Trừ sản phẩm uống dạng nước giải khát; bánh kẹo, mứt có chứa ca cao do Bộ Công Thương quản lý.
<b>XV</b>	<b>Hạt tiêu</b>	
1	Hạt tiêu ( <i>chi Piper</i> ) khô, tươi, hạt tiêu xay, nghiền	
2	Các loại quả thuộc chi <i>Capsicum</i> hoặc chi <i>Pimenta</i> , tươi, khô, xay hoặc nghiền	
<b>XVI</b>	<b>Điều</b>	
1	Hạt điều	
2	Các sản phẩm chế biến từ hạt điều	Trừ bánh, mứt, kẹo có chứa hạt điều do Bộ Công Thương quản lý.
<b>XVII</b>	<b>Nông sản thực phẩm khác</b>	
1	Các loại hạt (hương dương, hạt bí, hạt dưa,...) đã hoặc chưa chế biến	
2	Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật dùng làm thực phẩm khác dạng nguyên bản hoặc đã sơ chế, chế biến ( <i>măng, mộc nhĩ, nấm; sản phẩm từ đậu nành ngoại trừ dầu; vỏ, rễ, lá, thân, hoa ăn được của một số loại cây,...</i> )	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý
3	Tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến	Trừ đối tượng được sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng do Bộ Y tế quản lý.
4	Sản phẩm nguồn gốc từ côn trùng dùng làm thực phẩm ( <i>châu chấu, dế, nhộng tằm, ...</i> )	
<b>XVIII</b>	<b>Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến,</b>	

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm/ nhóm sản phẩm</b>	<b>Ghi chú</b>
	<b>kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý</b>	
<b>XIX</b>	<b>Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</b>	